TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN E** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 6 -2024.
"V/v: Kiện ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Tuyển và ông Ksơr Y Nai.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức - Cán bộ Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 06 năm 2024 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11/01/2024 về việc "Kiện ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/05/2024 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lại Đức Th - sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Y, xã S, huyện E, tỉnh Đăk Lăk - vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị H R - sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn Y, xã S, huyện E, tỉnh Đăk Lăk - vắng mặt (đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lại Đức Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lại Đức Th và H R tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2015, đến năm 2016 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện E, tỉnh Đăk Lăk.

Khi về chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh Th và chị H R thường xuyên cãi nhau. Hiện nay anh Th và H R không còn chung sống với nhau. Đến nay, anh Th cảm thấy không còn tình cảm với chị H R nên chị Anh Th yêu cầu tòa án giải quyết cho anh Lại Đức Th ly hôn với H R.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Lại Đức Th và H R có 01 con chung là: Lại Thị Phương Th, sinh ngày 12/4/2016.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lại Đức Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Lại Đức Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, H R trình bày:

H R và Anh Lại Đức Th tự nguyện về sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay chị H R đồng ý ly hôn với anh Lại Đức Th.

Về con chung: Chị H R và anh Th có 01 con chung như anh Th trình bày. Nếu Toà án giải quyết ly hôn, chị H R đồng ý cho anh Th được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Các bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại đề ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện E thể hiện: Mâu thuẫn cụ thể giữa hai người địa phương không rõ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc anh Th khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Th về việc ly hôn với H R. Về con chung: đề nghị giao con chung cho Anh Lại Đức Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Anh Lại Đức Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung với H R là "Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại bản tự khai, Anh Lại Đức Th và H R đều trình bày nội dung đồng ý ly hôn với nhau và thống nhất việc giao con chung cho anh Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại các buổi họp công khai chứng cứ và hòa giải chị H R vắng mặt. Anh Th có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải giữa các bên. Vậy nên, Tòa án tiến hành không hòa giải theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Anh Lại Đức Th, bị đơn H R đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng

dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lại Đức Th và H R chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện E, tỉnh Đăk Lăk theo giấy chứng nhận kết hôn số 75, ngày 07/5/2016 là trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, anh Th và chị H R đều trình bày đồng ý ly hôn với nhau. Như vậy, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Lại Đức Th.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Lại Đức Th và H R có 01 con chung là: Lại Thị Phương Th, sinh ngày 12/4/2016.

Anh Lại Đức Th yêu cầu và H R đồng ý giao cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh Lại Đức Th.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th và chị H R không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét, giải quyết. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

Chị H R có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lại Đức Th.

- Về hôn nhân: Cho Anh Lại Đức Th được ly hôn với H R.

- Về con chung: Giao con chung Lại Thị Phương Th, sinh ngày 12/4/2016cho Anh Lại Đức Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

H R có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Lại Đức Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện E theo Biên lai số AA/2021/0011897 ngày 29/12/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *Viện KSND huyện E;*
- *Thi hành án DS huyện E;*
- *Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;*
- *UBND xã S, E;*
(số 75, ngày 05/7/2016);
- *Lưu hồ sơ, vi tính.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
đã ký tên đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy